

Bản án số: 16/2024/DS-PT
Ngày: 10/01/2024
V/v “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà

Các Thẩm phán: Ông Đặng Đình Lực
Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14501/2023/QĐPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị Phương H, sinh năm 1965; địa chỉ: xóm B, thôn Q, xã Y, huyện Y1, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Mai Văn N, sinh năm 1964; địa chỉ: xóm B, thôn Q, xã Y, huyện Y1, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Mai Ngọc Đ, sinh năm 1960; địa chỉ: xóm B, thôn Q, xã Y, huyện Y1, tỉnh Ninh Bình.

2. Ông Mai Ngọc Đ1, sinh năm 1956; địa chỉ: tổ C, ấp A, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Bình Phước.

3. Anh Mai Hoàng L, sinh năm 1986; địa chỉ: 8 L, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

- *Người đại diện hợp pháp của ông Mai Ngọc Đ1, anh Mai Hoàng L: bà Mai Thị Phương H sinh năm 1965; địa chỉ: xóm 2, thôn Q, xã Y, huyện Y1, tỉnh Ninh Bình.*

4. Anh Mai Hoàng Anh D, sinh năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số C, đường P, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ: phòng B, J, S-dong 294-1, Y-si, G-do G1-gu, Hàn Quốc.

- *Người đại diện hợp pháp của anh Mai Hoàng Anh D:*

+ Anh Mai Hoàng L, sinh năm 1986; địa chỉ: 8 L, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà Mai Thị Phương H, sinh năm 1965; địa chỉ: xóm B, thôn Q, xã Y, huyện Y1, tỉnh Ninh Bình.

5. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1971; địa chỉ: xóm B, thôn Q, xã Y, huyện Y1, tỉnh Ninh Bình.

(Tại phiên tòa những người liên quan đều vắng mặt, trừ bà Vũ Thị T có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/02/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng bà Mai Thị Phương H trình bày:

Bố đẻ bà H là ông Mai Văn D1 sinh năm 1925, chết ngày 26/01/2020 và mẹ đẻ là bà Mai Thị T1 sinh năm 1923, chết ngày 03/6/2014. Trước khi chết, ông D1, bà T1 sinh sống tại thôn Q, xã Y, huyện Y1, tỉnh Ninh Bình. Ông D1, bà T1 sinh được 5 người con là ông Mai Ngọc Đ1, ông Mai Đình C (ông C đã chết năm 2011, có vợ là bà Hoàng Thị Minh N1 sinh năm 1960 và có hai người con là anh Mai Hoàng Anh D và anh Mai Hoàng L, ngoài anh L và anh D ra thì ông C không có người con nào khác), ông Mai Ngọc Đ, ông Mai Văn N và bà Mai Thị Phương H.

Ông D1, bà T1 để lại khối di sản là 1.821m² đất; trong đó có 370m² đất ở tại thửa đất số 271, tờ bản đồ số 7a, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1998; địa chỉ: xóm B, thôn Q, xã Y, huyện Y1, tỉnh Ninh Bình (đất đã được UBND huyện Y1 cấp GCNQSDĐ số I 4558875 ngày 28/11/1997 đứng tên ông Mai Văn D1); trên đất có 01 ngôi nhà ngói 03 gian. Những tài sản nêu trên, khi còn sống ông D1, bà T1 chưa chuyển quyền sở hữu, sử dụng cho ai. Sau khi ông D1, bà T1 chết, toàn bộ diện tích đất ở và ngôi nhà ngói trên đất do ông Mai Văn N quản lý, sử dụng. Đến năm 2020, ông N đã phá dỡ ngôi nhà của ông D1, bà T1 để lại và xây dựng nhà mới. Hiện nay, toàn bộ tài sản trên đất là của vợ chồng ông N, bà T xây dựng.

Phần diện tích 1.451m² đất còn lại là đất màu, đất lúa tại thôn Q, xã Y, huyện Y1, hiện do ông Mai Ngọc Đ sử dụng 725,5m² và ông Mai Văn N đang sử dụng 725,5m².

Trước khi chết, ông D1, bà T1 không để lại di chúc. Do anh em trong gia đình không thỏa thuận được với nhau về việc phân chia di sản thừa kế nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Mai Văn D1, bà Mai Thị T1 để lại là quyền sử dụng đất theo diện tích thực tế là 384,6m² đất ở tại thửa đất số 271, tờ bản đồ số 7a, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1998; địa chỉ: xóm B, thôn Q, xã Y, huyện Y1, tỉnh Ninh Bình cho những người thừa kế của ông D1 và bà T1.

Để có chỗ ở, bà H đề nghị Tòa án chia thừa kế cho bà được hưởng bằng hiện vật là quyền sử dụng đất. Bà H không đề nghị chia thừa kế ngôi nhà ngói 03 gian của ông D1, bà T1 để lại mà ông N đã tháo dỡ. Đối với 1.451m² đất màu, đất lúa ông Đ, ông N đang sử dụng là phù hợp với ý nguyện của mọi thành viên trong gia đình nên không đề nghị chia thừa kế đối với diện tích đất này.

Bà H tự nguyện chịu toàn bộ các khoản chi phí tố tụng khác gồm: tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí thẩm định giá tài sản; án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình tham gia tố tụng, vợ chồng ông Mai Văn N, bà Vũ Thị T cùng trình bày:

Bố đẻ ông N là ông Mai Văn D1 sinh năm 1925, chết ngày 26/01/2020 và mẹ đẻ là bà Mai Thị T1 sinh năm 1923, chết ngày 03/6/2014. Ông D1, bà T1 được thừa hưởng 02 mảnh đất của bên nội và bên ngoại. Hiện nay, ông Mai Ngọc Đ đang sử dụng mảnh đất bên nội, vợ chồng ông Mai Văn N đang sử dụng mảnh đất bên ngoại. Khi bố mẹ ông N còn sống có giao trách nhiệm (chỉ nói miệng vì các cụ không biết chữ) cho ông Đ ở mảnh đất bên nội, ông N ở mảnh đất bên ngoại và có trách nhiệm thờ cúng, đóng góp với bên ngoại, vì ông bà ngoại không có con trai thờ cúng. Mảnh đất bên nội năm 1997 ông Đ đã dỡ nhà của ông D1, bà T1 vì nó xuống cấp và xây dựng lại nhà mới để ở và sinh hoạt. Còn mảnh đất bên ngoại nhà cửa hư hỏng quá nhiều, năm 1994 ông N vay mượn sửa sang lại. Đến năm 2004 thì vợ chồng ông N xây mới toàn bộ nhà và các công trình phục vụ cho đời sống gia đình như hiện nay. Năm 1995 Nhà nước có chính sách chia lại ruộng đất, ông Đ đã chính thức đứng tên trong sổ đỏ mảnh đất bên nội. Còn mảnh đất bên ngoại, ông D1, bà T1 bảo ông N đứng tên nhưng ông không đứng, vì nghĩ đăng nào cũng là của mình sang tên làm gì. Thuế nhà đất ông N vẫn nộp đầy đủ và sau này ông D1, bà T1 được bình bầu là hộ nghèo nên không phải đóng thuế. Tháng 6 năm 2006, ông N cho con đi thi đại học về thì ông D1, bà T1 thông báo bị mất trộm sổ đỏ. Ông N nghĩ mất sổ đỏ thì họ

cũng chẳng làm được gì vì ai cũng biết nhà ông N cùng bố mẹ đã ở trên mảnh đất bao nhiêu năm rồi. Để chắc chắn bà T1 đã giao cho vợ chồng ông N tờ quyền sử dụng đất chính chủ mang tên ông ngoại là Mai Văn C1 mà hiện nay ông N đang thờ cúng. Năm 2014, bà T1 qua đời ở nhà ông Đ. Năm 2015, ông D1 lên Ủy ban nhân dân xã báo cáo việc mất sổ đỏ và nhờ xã sang tên trong sổ đỏ thửa đất cho vợ chồng ông N nhưng chưa làm được thì năm 2020 ông D1 mất. Sau khi ông D1 mất, ông N có nói với bà H là cứ vào trong Nam làm khi nào nghỉ mất sức ở được với ông Đ1 thì ở, nếu muốn về quê ở với vợ chồng ông Đ cũng được, không muốn ở với vợ chồng ông Đ thì xuống ở với vợ chồng ông N, mà muốn độc lập thì ông N nhường cho 4,5m đất mặt đường chạy dọc suốt theo chiều Đ để làm nhà ở, nếu không nữa thì xây cao nhà bếp của vợ chồng ông N lên để ở. Đến nay, không biết ai xui bà H về đòi chia đôi thửa đất. Biết được như thế thì năm 1995 ông N cũng đứng tên trong sổ đỏ thửa đất đang ở như ông Đ đã làm. Vợ chồng ông N, bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện đòi chia thừa kế của bà H. Về quan hệ gia đình, huyết thống ông N thừa nhận như bà H trình bày là đúng.

Trong quá trình tham gia tố tụng ông Mai Ngọc Đ trình bày:

Tài sản của bố mẹ ông Đ để lại chưa chia cho ai. Qua thương lượng và dàn xếp của anh em nhưng ông N không chịu nên đã nhờ Ủy ban nhân dân xã Y giải quyết và hòa giải nhưng ông N không đồng ý. Ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế là diện tích thửa đất số 271 theo quy định của pháp luật. Ông Đ nhận kỷ phần thừa kế bằng đất hoặc bằng tiền cũng được. Chứng cứ của ông Đ không có gì ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Mai Văn D1 để lại.

Tại bản tự khai ngày 27/10/2022 ông Mai Ngọc Đ1 trình bày:

Bố đẻ ông Đ1 là ông Mai Văn D1 sinh năm 1925, chết ngày 26/01/2020, mẹ đẻ là bà Mai Thị T1 sinh năm 1923, chết ngày 03/6/2014. Ông D1, bà T1 sinh được 5 người con là ông Mai Ngọc Đ1, ông Mai Đình C, ông Mai Ngọc Đ, bà Mai Thị Phương H và ông Mai Văn N. Ông C đã chết ngày 16/3/2011, có vợ là bà Hoàng Thị Minh N1 và sinh được 02 người con là anh Mai Hoàng L, anh Mai Hoàng Anh D.

Ông D1, bà T1 chết có để lại 370m² đất ở tại thửa đất số 271, địa chỉ: xóm B, thôn Q, xã Y, huyện Y1, tỉnh Ninh Bình. Ông D1, bà T1 không để lại di chúc. Do anh em không thỏa thuận được với nhau về chia thừa kế nên đã khởi kiện ra Tòa. Ông Đ1 yêu cầu Tòa án chia thừa kế thành 5 phần bằng nhau cho 5 người con của ông D1, bà T1. Ông Đ1 nhận bằng hiện vật là diện tích đất tương ứng với phần được thừa kế theo pháp luật.

Tại các bản tự khai, anh Mai Hoàng L và anh Mai Hoàng Anh D cùng trình bày:

Ông nội của anh L, anh D là ông Mai Văn D1 sinh năm 1925, chết ngày 26/01/2020 và bà nội là bà Mai Thị T1 sinh năm 1923, chết ngày 03/6/2014. Ông bà các anh sinh được 5 người con là ông Mai Ngọc Đ1, ông Mai Đình C, ông Mai Ngọc Đ, bà Mai Thị Phương H và ông Mai Văn N. Ông C đã chết ngày 16/3/2011 tại phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Ông C có vợ là bà Hoàng Thị Minh N1 sinh năm 1960; địa chỉ số nhà C, đường P, phường D thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Ông C và bà N1 sinh được 02 người con là anh Mai Hoàng L, anh Mai Hoàng Anh D, ngoài ra ông C không còn người con nào khác. Ông C đã chết năm 2011 nên anh L và anh D là người thừa kế thế vị. Anh L, anh D đề nghị Tòa án chia di sản của ông D1, bà T1 là quyền sử dụng thửa đất số 271 tại thôn Q, xã Y theo pháp luật, các anh yêu cầu được nhận bằng hiện vật là diện tích đất tương ứng với phần được thừa kế.

**** Tài liệu có liên quan đến thửa đất tranh chấp:***

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 4558875 ngày 28/11/1997, thửa đất số 271 diện tích 370m² đất ở đứng tên ông Mai Văn D1.

- Trích lục tờ bản đồ số 7a Bản đồ địa chính xã Y lập năm 1998: thửa đất số 271 diện tích 370m² đất ở đứng tên ông Mai Văn D1.

**** Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản tranh chấp:***

- Thửa đất số 271 tờ bản đồ 7a Bản đồ địa chính xã Y lập năm 1998, địa chỉ: xóm B, thôn Q, xã Y, huyện Y1, tỉnh Ninh Bình có diện tích thực tế là 384,6m². Mốc giới thửa đất ổn định, không có tranh chấp với hộ liền kề, các vị trí tiếp giáp cụ thể như sau:

- + Phía Bắc giáp ngõ đi chung dài 24,3m;
- + Phía Nam giáp thửa đất số 272 của gia đình ông L1 dài 24,6m;
- + Phía Đông giáp thửa đất số 269 của gia đình bà L2 dài 13,98m
- + Phía Tây giáp đường xóm dài 17,24m.

Giá trị: **1.452.634.000 đồng** ($384,6\text{m}^2 \times 3.777.000\text{đ} = 1.452.634.200$, làm tròn 1.452.634.000).

- Tài sản gắn liền với đất gồm có: Nhà chăn nuôi cạnh công xây dựng năm 2004 diện tích 28,6m²; Nhà tắm cạnh công xây dựng năm 2012 diện tích 2,2m²; Lán fiproximăng cạnh nhà tắm xây dựng năm 2012 diện tích 15,1m²; Giếng khoan; Bể nước xây dựng năm 2007 thể tích 5,55m³; Nhà ở một tầng xây dựng năm 2004 diện tích nhà ở 69,9m²; Lán tôn xây dựng năm 2019 diện tích 69,9m²; Nhà bếp và nhà vệ sinh xây dựng năm 2020 diện tích 69,9m²; Lán hai mái lợp fiproximăng xây dựng năm 2004 diện tích 8,5m²; Lán hai mái lợp fiproximăng

xây dựng năm 2004 diện tích 7,5m²; Nhà vệ sinh cạnh nhà lán hai mái xây dựng năm 2002 diện tích 2,7m²; Sân bê tông xây dựng năm 2020 diện tích 81,6m² (không tính tường bao; Bờ bao sân bê tông dài 15,51m; Cổng xây dựng năm 2019 (02 cột cổng, 02 cánh cổng); Tường bao phía Đông xây dựng trước năm 1970 dài 5.05m; Tường bao phía Nam trước nhà ở một tầng xây dựng trước năm 1970 dài 8,8m; Tường bao cạnh cổng xây dựng năm 2019 dài 2,63m; 01 cây Na cao 4m; 01 cây Móc mật cao 2m; 04 cây Cau (02 cây cao 1,5m, 02 cây cao 4m); tổng giá trị tài sản trên đất 419.784.000 đồng.

Tại văn bản ngày 16/12/2022 Ủy ban nhân dân xã Y và văn bản ngày 08/02/2023 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y1 cùng xác định: diện tích 14,6m² đất tăng thêm trong tổng diện tích 384,6m² của thửa đất số 271 tờ bản đồ 7a so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do sai số trong quá trình đo đạc. Thửa đất số 271 không có sự thay đổi về ranh giới so với thời điểm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề, phù hợp với quy hoạch nên đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 5 Điều 98 Luật Đất đai năm 2013. Diện tích 14,6m² đất tăng thêm trong tổng diện tích 384,6m² tại thửa đất số 271 tờ bản đồ số 7a là đất ở.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Mai Thị Phương H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Mai Văn D1, bà Mai Thị T1 để lại là quyền sử dụng 384,6m² đất ở thuộc thửa đất số 271, tờ bản đồ số 7a, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1998; địa chỉ: xóm B, thôn Q, xã Y, huyện Y1, tỉnh Ninh Bình cho những người thừa kế của ông D1 và bà T1. Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của anh L và anh D, bà H đề nghị nếu không thể chia di sản bằng hiện vật cho anh L, anh D thì đề nghị Tòa án phân định chia giá trị di sản được hưởng cho riêng từng người.

Ông N không nhất trí với yêu cầu khởi kiện vì bìu đỏ đứng tên ông D1. Ông D1, bà T1 đã nói bằng miệng là giao quyền cho ông N quản lý, sử dụng thửa đất số 271 và có trách nhiệm thờ cúng ông bà ngoại nên không đồng ý chia thừa kế; nếu bà H đồng ý thì ông N cắt cho bà H 4,5m đất bám mặt đường chạy dài hết thổ đất để bà H làm nhà ở nhưng với điều kiện không sang tên diện tích đất đó cho bà H. Bà T nhất trí với ý kiến của ông N. Ông Đ nhất trí với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại Bản án sơ dân sự thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã quyết định:

- Căn cứ Điều 5, khoản 5 Điều 26 và các Điều 37, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 464, 469, 470, 474, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 3, 357, 468, 609, 613, 649, 650, 651, 652, 658, 660, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Án lệ số 05/2016/AL;

- Căn cứ Điều 33 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 5, 98, 99, 100, 101, 106, 166, 167, 203 của Luật Đất đai 2013;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Phương H về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Mai Văn D1 và bà Mai Thị T1 là quyền sử dụng 384,6m² đất ở tại thửa đất số 271, tờ bản đồ số 7a, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1998; địa chỉ: xóm B, thôn Q, xã Y, huyện Y1, tỉnh Ninh Bình như sau:

1.1. Giao cho ông Mai Văn N được quyền sử dụng 252,3m² đất ở; vị trí, kích thước:

- + Phía Bắc giáp ngõ đi chung dài 24,3m;
- + Phía Nam giáp diện tích đất chia cho bà H dài 24,44m;
- + Phía Đông giáp thửa đất số 269 của gia đình bà L2 dài 9,23m;
- + Phía Tây giáp đường xóm dài 11,2m;

(Ký hiệu S1 trong sơ đồ kèm theo bản án)

Diện tích đất ông N được giao quyền sử dụng có giá trị 952.937.100 đồng.

Ông N được quyền sở hữu tài sản trên đất là một phần tường bao ở phía Đông thửa đất (các tài sản khác có trên đất là của vợ chồng ông N xây dựng, tạo lập).

1.2. Giao cho bà Mai Thị Phương H được quyền sử dụng 132,3m² đất ở; vị trí, kích thước:

- + Phía Bắc giáp diện tích đất chia cho ông N dài 24,44m;
- + Phía Nam giáp thửa đất số 272 của gia đình ông L1 dài 24,6m;
- + Phía Đông giáp thửa đất số 269 của gia đình bà L2 dài 4,75m;
- + Phía Tây giáp đường xóm dài 6,04m;

(Ký hiệu S2 trong sơ đồ kèm theo bản án)

Diện tích đất bà H được giao quyền sử dụng có giá trị 499.697.100 đồng.

Bà H được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất được giao quyền sử dụng gồm: Nhà chăn nuôi cạnh cổng xây dựng năm 2004 diện tích 28,6m² giá trị 19.010.916 đồng; Lán hai mái lợp fiproximăng xây dựng năm 2004 diện tích 7,5m² giá trị 2.450.776 đồng; Nhà vệ sinh cạnh nhà lán hai mái xây dựng năm 2002 diện tích 2,7m² giá trị 782.543 đồng; Bờ bao sân bê tông dài 15,51m giá trị 1.364.182 đồng; 01 cây Na cao 4m giá trị 350.000 đồng; 01 cây Móc mật cao

2m giá trị 670.000 đồng; 02 cây Cau cao 1,5m giá trị 624.000 đồng; 02 cây Cau cao 4m giá trị 600.000 đồng; tổng giá trị là 25.852.407 đồng và đoạn tường bao ở phía Nam và một phần tường bao ở phía Đông thửa đất.

1.3. Thanh toán tiền chênh lệch về tài sản và giá trị tài sản trên đất:

- Ông Mai Văn N phải thanh toán cho anh Mai Hoàng L 121.052.000 đồng (một trăm hai mươi một triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng); thanh toán cho anh Mai Hoàng Anh D 121.052.000 đồng (một trăm hai mươi một triệu không trăm năm mươi hai nghìn đồng) và thanh toán cho ông Mai Ngọc Đ 1 226.620.000 đồng (hai trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

- Bà Mai Thị Phương H phải thanh toán cho ông Mai Ngọc Đ 242.105.000 đồng (hai trăm bốn mươi hai triệu một trăm linh năm nghìn đồng); thanh toán cho ông Mai Ngọc Đ 1 15.485.000 đồng (mười lăm triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

- Bà Mai Thị Phương H phải thanh toán cho vợ chồng ông Mai Văn N, bà Vũ Thị T 25.852.000 đồng (hai mươi lăm triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/5/2023, bị đơn ông Mai Văn N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị T kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên toà phúc thẩm: Ông Mai Văn N và bà Vũ Thị T giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Ông, bà trình bày: Bố mẹ tôi có 2 miếng đất, của bên nội và bên ngoại; Bố mẹ tôi đã giao cho ông Mai Ngọc Đ ở đẳng nội và thờ cúng mồ mả phía nội; còn bên ngoại giao cho tôi có trách nhiệm thờ cúng và chăm nom mồ mả. Phải được sự nhất trí của bố mẹ nên chúng tôi đã làm nhà cửa trên đất này. Ông, bà còn khai: Năm 1994, do mảnh đất bên ngoại hư hỏng nhiều nên ông đã vay mượn để sửa sang lại; đến năm 2004 thì ông bà xây mới nhà toàn bộ gồm có nhà 3 gian 70m²; 1 gian làm chuồng lợn và đun nấu 28m². Ông không đồng ý chia thửa đất số 271 vì khi còn sống bố mẹ đã cho vợ chồng ông ở và đóng góp thờ phụng, những việc này ông đã làm đúng di nguyện của bố mẹ. Đối với thửa đất này, hằng năm ông bà có đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước. Bố ông và con gái ông đã lên nhờ UBND xã sang tên. Ông bà cũng đã liên tục ở trên mảnh đất này suốt 31 năm và có nhiều lần sửa sang lại nhà cửa trên đất; các thành viên trong gia đình đều biết và không ai có ý kiến hay phản đối gì. Ông

không đồng ý về thẩm định giá nhà và phần xây dựng quá thấp; việc Tòa án cấp sơ thẩm ấn định phân chia không hỏi ý kiến vợ chồng ông về việc lấy tiền hay tài sản trên đất. Đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của bà H, chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của ông, bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử; Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Mai Văn N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Mai Văn N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị T nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng pháp luật.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn dân sự bà Mai Thị Phương H; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đ1, ông Đ, anh L, anh D. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt các đương sự nói trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án của bị đơn ông Mai Văn N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị T, thấy:

Về thời điểm mở thừa kế, người thừa kế theo pháp luật của ông D1, bà T1: Bà T1 chết ngày 03/6/2014, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của bà T1 là ông D1, ông Đ1, ông Đ, bà H, ông N. Ông C chết trước bà T1, do đó những người thừa kế thế vị của ông C là anh L, anh D được hưởng kỷ phần thừa kế mà ông C được hưởng trong khối di sản của bà T1 nếu còn sống.

Ông D1 chết ngày 26/01/2020, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản của ông D1 là ông Đ1, ông Đ, bà H, ông N. Ông C chết trước ông D1, do đó những người thừa kế thế vị của ông C là anh L, anh D được hưởng kỷ phần thừa kế mà ông C được hưởng trong khối di sản của ông D1 nếu còn sống.

Về di sản thừa kế: Thửa đất số 271, tờ bản đồ số 7a, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1998; địa chỉ: Xóm B, thôn Q, xã Y, huyện Y1, tỉnh Ninh Bình (gọi tắt là thửa đất số 271) có nguồn gốc của vợ chồng ông Mai Văn D1, bà Mai Thị T1. Hồ sơ địa chính là tờ bản đồ số 7a, bản đồ địa chính xã Y lập năm 1998, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 4558875 ngày 28/11/1997 của Ủy ban nhân dân huyện Y1 cấp cho ông Mai Văn D1. Khi còn sống, ông D1, bà T1 chưa làm thủ tục sang tên thửa đất cho ai. Sau khi ông bà chết, vợ chồng ông N, bà T tiếp tục sinh sống và quản lý thửa đất cho đến nay. Ông N, bà T không nhất trí chia thừa kế nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất. Tòa án sơ thẩm xác định toàn bộ diện tích 384,6 m² đất ở thuộc thửa đất số 271 là di sản thừa kế của ông D1, bà T1 là có căn cứ pháp luật.

Về phân chia di sản: Tòa án sơ thẩm xác định di sản của hai cụ để lại diện tích 384,6m² đất ở, có giá trị là 1.452.634.000 đồng, được chia thành 6 kỷ phần, mỗi kỷ phần có giá trị 242.105.666 đồng. Thanh toán công sức đóng góp vào việc quản lý, bảo quản, tôn tạo di sản thừa kế cho ông N tương đương giá trị 01 kỷ phần là 242.105.666 đồng. 05 kỷ phần di sản còn lại chia cho thể ông những người thừa kế của ông D1, bà T1 mỗi người 01 kỷ phần; cụ Đ1, ông Đ, bà H, ông N mỗi người được hưởng 01 kỷ phần có giá trị 242.105.666 đồng. Anh Dũng, anh L là những người thừa kế thế vị của ông C được hưởng 01 kỷ phần có giá trị 242.105.666 đồng; trong đó anh D, anh L mỗi người được hưởng giá trị của 01 kỷ phần là 121.052.833 đồng ($242.105.666đ : 2 = 121.052.833đ$). Khi phân chia diện tích đất giao cho ông Mai Văn N được quyền sử dụng 252,3m² đất ở và các tài sản trên diện tích đất; Giao cho bà Mai Thị Phương H được quyền sử dụng 132,3m² đất ở và các tài sản trên diện tích đất đã xem xét đến các công trình xây dựng trên đất cũng như nhu cầu sử dụng đất và buộc bà H, ông N còn phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho những người trong hàng thừa kế khác là có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, đối với kháng cáo của ông Mai Văn N và bà Vũ Thị T không đồng ý với giá thẩm định đất vì giá quá cao so với thực tế: Về mức giá đất trên là do Hội đồng định giá của Công ty cổ phần D2 và thẩm định giá tài sản Việt Nam thẩm định, dựa trên các quy định của Nhà nước và của địa phương. Nhưng sau khi định giá ông, bà không khiếu nại và tại phiên tòa cũng không đưa ra được các tài liệu chứng cứ để chứng minh kết quả định giá đất của Công ty cổ phần D2 và thẩm định giá tài sản Việt Nam thẩm định là không đúng pháp luật. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông, bà về vấn đề kết quả định giá mức giá đất không được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Mai Văn N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị T, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Mai Văn N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Mai Văn N, bà Vũ Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Mai Văn N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị T; Giữ nguyên Bản án sơ dân sự thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

[2]. Về án phí: Ông Mai Văn N, bà Vũ Thị T mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Ông N, bà T được đối trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại các Biên lai số 0000070; 0000071 cùng ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật ngay sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Cục THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ).
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Hà